|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN** **TỈNH VĨNH LONG**Số: /2025/NQ-HĐND | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc***Vĩnh Long, ngày tháng năm 2025* |

Dự thảo

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định chính sách hỗ trợ cho người lao động**

**đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng**

**trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19/02/2025;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 25/6/2025;*

*Căn cứ Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng số 69/2020/QH14 ngày 13/11/2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;*

*Căn cứ Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;*

*Căn cứ Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP  ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;*

*Căn cứ Thông tư số 09/2016/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 15/6/2016 của Liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện một số điều về hỗ trợ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;*

*Xét Tờ trình.......................................; Báo cáo thẩm tra của.......; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ cho người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

 Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ người lao động trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long đi làm việc hoặc vừa học vừa làm ở nước ngoài theo hợp đồng.

 2. Đối tượng áp dụng

 a) Người lao động có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Vĩnh Long, có nhu cầu vay vốn đi làm việc, vừa học vừa làm ở nước ngoài theo hợp đồng.

b) Ngân hàng chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long, các hội đoàn thể nhận ủy thác.

c) Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan đến quá trình thực hiện chính sách cho vay vốn hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long theo quy định tại Nghị quyết này.

**Điều 2. Đối tượng hỗ trợ**

Người lao động có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Vĩnh Long, có nhu cầu vay vốn đi làm việc hoặc vừa học vừa làm ở nước ngoài theo hợp đồng.

**Điều 3. Chính sách hỗ trợ**

1. Chính sách cho vay vốn

a) Hình thức vay: Không đảm bảo tài sản.

b) Mức vay

- Đối với người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ bị thu hồi đất nông nghiệp, người lao động là người dân tộc thiểu số, người lao động là thân nhân của người có công với cách mạng *(theo quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ)*, được vay với mức tối đa theo chính sách này là phần chênh lệch giữa chi phí hợp pháp cần thiết để đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và phần được vay từ nguồn Trung ương quy định theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

- Đối với người lao động thuộc đối tượng thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an; Lao động thuộc diện mồ côi tại các địa phương hoặc đang sinh sống tại các cơ sở bảo trợ xã hội, được vay với mức tối đa bằng chi phí, lệ phí hợp pháp cần thiết để đi làm ở nước ngoài theo hợp đồng, được thể hiện trên hợp đồng ký kết giữa người lao động và doanh nghiệp hoạt động dịch vụ, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Nhưng không vượt quá mức quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015và Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ.

- Các đối tượng còn lại: mức vay tối đa bằng 70% chi phí, lệ phí hợp pháp cần thiết để đi làm ở nước ngoài theo hợp đồng, được thể hiện trên hợp đồng ký kết giữa người lao động và doanh nghiệp hoạt động dịch vụ, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

c)Lãi suất cho vay

- Đối với người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ bị thu hồi đất nông nghiệp, người lao động là người dân tộc thiểu số, người lao động là thân nhân của người có công với cách mạng, thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an; lao động thuộc diện mồ côi tại các địa phương hoặc đang sinh sống tại các cơ sở bảo trợ xã hội: Lãi suất cho vay bằng lãi suất cho vay vốn đối với hộ nghèo do Chính phủ quy định theo từng thời kỳ.

- Đối với các đối tượng còn lại: Lãi suất cho vay bằng 125% lãi suất cho vay đối với hộ nghèo do Chính phủ quy định theo từng thời kỳ.

- Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.

d) Thời hạn cho vay: Không vượt quá thời hạn đi làm việc ở nước ngoài hoặc thời gian vừa học, vừa làm của người lao động được ghi trong hợp đồng ký kết giữa người lao động với doanh nghiệp về việc đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài hoặc vừa học, vừa làm ở nước ngoài theo hợp đồng.

2. Chính sách hỗ trợ chi phí đào tạo nghề, ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức cần thiết cho người lao động trước khi xuất cảnh

a) Nội dung hỗ trợ

Tổng kinh phí hỗ trợ tối đa cho một người lao động, gồm các khoản chi cụ thể như sau:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung chi** | **Đơn vị** | **Số lượng** | **Đơn giá** **tối đa****(đồng)** | **Tổng cộng****(đồng)** |
| 1 | Hỗ trợ chi phí đào tạo nghề. | Khóa | 1 | 4.000.000 | 4.000.000 |
| 2 | Hỗ trợ chi phí đào tạo ngoại ngữ. | Khóa | 1 | 3.000.000 | 3.000.000 |
| 3 | Hỗ trợ bồi dưỡng kiến thức cần thiết (giáo dục định hướng). | Khóa | 1 | 530.000 | 530.000 |
| 4 | Hỗ trợ tiền ăn, sinh hoạt phí trong thời gian đào tạo nghề, đào tạo ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức tổng cộng 6 tháng *(26 ngày/tháng x 6 tháng = 156 ngày)* | Ngày | 156 | 40.000 | 6.240.000 |
| 5 | Hỗ trợ tiền ở 200.000 đồng/tháng. | Tháng | 6 | 200.000 | 1.200.000 |
| 6 | Hỗ trợ chi phí đi lại *(01 lượt đi và về)* cho cả khóa. | Khóa | 1 | 300.000 | 300.000 |
| 7 | Hỗ trợ chi phí làm thủ tục xuất cảnh. |  |  |   |   |
| - | *Lệ phí cấp hộ chiếu.* | Người | 1 | 200.000 | 200.000 |
| - | *Phí cung cấp lý lịch tư pháp.* | Người | 1 | 200.000 | 200.000 |
| - | *Lệ phí làm thị thực (visa).* | Người | 1 | 1.000.000 | 1.000.000 |
| - | *Chi phí khám sức khỏe.* | Người | 1 | 750.000 | 750.000 |
| **Cộng** |   |   |   | **17.420.000** |

- Đối với đối tượng là người dân tộc thiểu số; người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định của pháp luật; thân nhân của người có công với cách mạng theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số Điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; người thuộc hộ bị thu hồi đất nông nghiệp quy định tại Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động bị thu hồi đất được hỗ trợ 17.420.000 đồng/người, với các nội dung như đã nêu trên.

- Đối với các đối tượng còn lại *(bao gồm: Thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an; Lao động thuộc diện mồ côi tại các địa phương hoặc đang sinh sống tại các cơ sở bảo trợ xã hội và người lao động* *có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Vĩnh Long)* được hỗ trợ bằng 70% mức hỗ trợ nêu trên là 12.194.000 đồng/người.

Số lần được hỗ trợ: Mỗi đối tượng chỉ được hỗ trợ một lần các khoản chi phí nêu trên.

\* Trường hợp Tỉnh được Trung ương phân bổ kinh phí để thực hiện chính sách hỗ trợ chi phí không hoàn lại cho các đối tượng nêu trên thì sử dụng Ngân sách Trung ương phân bổ để hỗ trợ; còn trường hợp Tỉnh không được Trung ương phân bổ kinh phí để thực hiện chính sách hỗ trợ chi phí không hoàn lại cho các đối tượng thì đề xuất thực hiện từ nguồn kinh phí đảm bảo xã hội của tỉnh theo phân bổ hàng năm.

**Điều 4. Kinh phí thực hiện**

Kinh phí thực hiện được bố trí từ nguồn ngân sách tỉnh hàng năm và nguồn vận động xã hội hóa (nếu có).

**Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

4. Các Nghị quyết: Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long (cũ) về chính sách cho vay vốn hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trên địa bàn của tỉnh giai đoạn 2021 – 2025; Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre (cũ) về việc quy định một số chính sách cho người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng trên địa bàn của tỉnh; Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 09/11/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh (cũ) quy định về chính sách hỗ trợ người lao động, học sinh, sinh viên trên địa bàn của tỉnh đi làm việc, học tập ở nước ngoài theo hợp đồng giai đoạn 2021 – 2025 hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long khóa..., Kỳ họp thứ... thông qua ngày... tháng... năm... và có hiệu lực từ ngày …. tháng ….. năm 2025.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;- Chính phủ;- Bộ Tài chính;- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;- Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Vĩnh Long;- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh,UBND tỉnh;- Các Sở, ban, ngành tỉnh;- HĐND, UBND các xã, phường;- Công báo tỉnh, Trang tin HĐND tỉnh;- Lưu: VT | **CHỦ TỊCH** |